

Bản án số: **133/2024/DS-ST**

Ngày: 13/8/2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Yến Nhi.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Công Trung.

Ông Trần Văn Chu.

**- Thư ký phiên Tòa:** Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLST – DS ngày 12 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1965 (Có mặt);

Ông Đặng Văn C, sinh năm 1965 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Số A đường V, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị C1, sinh năm 1961 (Có mặt);

Ông Trương Văn P, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2023, trong quá trình tố tụng sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

Ngày 09/9/2023 (dương lịch), vợ chồng bà Phạm Thị H có cho bà Trần Thị C1 vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,25%/tháng, thời hạn trả nợ là 03 tháng.

Mục đích vay tiền của bà Trần Thị C1 là để làm ăn kinh tế gia đình.

Hình thức hợp đồng hai bên có làm văn bản “Giấy thỏa thuận về việc cho vay tiền” đề ngày 09/9/2023 dương lịch, bà H, ông Đặng Văn C và bà Trần Thị C1 có cùng ký tên trong văn bản.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, phía bà Trần Thị C1 không có tiền trả lãi cho bà và ông C như đã thỏa thuận. Việc hai bên giao kết hợp đồng vay tiền, phía bà Trần Thị C1 có báo cho chồng là ông Trương Văn P biết. Đồng thời bà Trần Thị C1, ông Trương Văn P vay tiền trong thời kỳ hôn nhân và mục đích vay tiền là để làm ăn kinh tế gia đình.

Bà và ông Đặng Văn C có nhiều lần yêu cầu phía vợ chồng bà Trần Thị C1, ông Trương Văn P có nghĩa vụ trả tiền lãi và số tiền gốc đã vay như đã thỏa thuận, nhưng phía bà C1, ông P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc không trả nợ lãi và gốc như đã thỏa thuận của bà C1, ông P ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của vợ chồng bà.

Do đó, bà và ông Đặng Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị C1, ông Trương Văn P có nghĩa vụ trả số tiền đã vay còn thiếu là: Tiền nợ gốc: 400.000.000 đồng; Tiền nợ lãi tính đến ngày 09/12/2023 là 15.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 09/12//2023 là 415.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Bà và ông Đặng Văn C thống nhất rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi. Bà và ông Đặng Văn C chỉ yêu cầu bà Trần Thị C1 và ông Trương Văn P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Thời gian trả cụ thể từ ngày 13/08/2024 đến ngày 13/8/2025, 04 tháng trả một lần (cụ thể: ngày 13/12/2024 trả 100.000.000 đồng; ngày 13/4/2025 trả 100.000.000 đồng; ngày 13/8/2025 trả 100.000.000 đồng).

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2023, trong quá trình tố tụng sơ thẩm nguyên đơn ông Đặng Văn C trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị H. Ông và bà H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị C1, ông

Trương Văn P có nghĩa vụ trả số tiền đã vay còn thiếu là: Tiền nợ gốc: 400.000.000 đồng; Tiền nợ lãi là 15.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Văn C trình bày:* Ông đồng ý rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 115.000.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc: 100.000.000 đồng và nợ lãi là 15.000.000 đồng. Ông và bà H chỉ yêu cầu bà Trần Thị C1 và ông Trương Văn P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông yêu cầu bà C1 và ông P phải trả cho ông vào các ngày 13/12/2024 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 13/4/2025 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 13/8/2025 số tiền 100.000.000 đồng.

*\* Tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng sơ thẩm bị đơn bà Trần Thị C1 trình bày như sau:*

Bà và ông Trương Văn P là vợ chồng. Bà thừa nhận có vay của bà Phạm Thị H và ông Đặng Văn C số tiền 400.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm giấy thỏa thuận về việc cho vay tiền, bà có ký tên, ghi rõ họ tên vào giấy vay tiền. Nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà không có khả năng trả nợ cho bà H, ông C. Nay bà H, ông C khởi kiện yêu cầu bà và ông P cùng trả cho bà H, ông C số tiền gốc 400.000.000 đồng và lãi phát sinh thì bà đồng ý trả. Thời gian và phương thức trả nợ sẽ thực hiện tại giai đoạn thi hành án.

*Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị C1 trình bày:* Bà và ông Trương Văn P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Qua yêu cầu khởi kiện của bà H, ông C, bà đồng ý cùng ông Trương Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H, ông C số tiền 300.000.000 đồng. Thời gian trả vào các ngày 13/12/2024 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 13/4/2025 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 13/8/2025 số tiền 100.000.000 đồng.

*\*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Trương Văn P các văn bản tố tụng nhưng ông P vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Trương Văn P.*

***\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành

viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, ông Đặng Văn C buộc bà Trần Thị C1, ông Trương Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H, ông C số tiền 300.000.000 đồng, cụ thể vào các ngày 13/12/2024 số tiền 100.000.000 đồng, ngày 13/4/2025 số tiền 100.000.000 đồng và ngày 13/8/2025 số tiền 100.000.000 đồng

- Về án phí dân sự sơ thẩm: đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **Về thủ tục tố tụng:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị C1 và ông Trương Văn P phải trả số tiền nợ vay và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 09/09/2023 đến khi giải quyết xong vụ án. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị C1 và ông Trương Văn P có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

[3] Bị đơn ông Trương Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng ông P vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **Về nội dung vụ án:**

[4] Xét chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án (bút lục 21), nhận thấy:

Bà Trần Thị C1 thừa nhận chữ ký trên Giấy nhận nợ ngày 09/09/2023 đều là đúng, đây là chữ ký của bà C1.

Như vậy, có cơ sở để xác định chứng cứ là Giấy nhận nợ ngày 09/9/2023 mà nguyên đơn đã cung cấp là có thật. Theo đó, xác định được vào ngày 09/9/2023, bà Trần Thị C1 thừa nhận có vay và còn nợ số tiền vốn vay của bà Phạm Thị H và ông Đặng Văn C là 400.000.000 đồng là đúng sự thật. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tình tiết mà nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Đặng Văn C tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Trần Thị C1 phải trả cho nguyên đơn số tiền vốn đã vay 300.000.000 đồng. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên trong thời hạn một năm, thỏa thuận 04 tháng trả số tiền 100.000.000 đồng (cụ thể: ngày 13/12/2024 trả 100.000.000 đồng; ngày 13/4/2025 trả 100.000.000 đồng; ngày 13/8/2025 trả 100.000.000 đồng). Bị đơn bà Trần Thị C1 đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Xét thấy, sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Phạm Thị H và ông Đặng Văn C thấy rằng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị H và ông Đặng Văn C tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là 15.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông C không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vốn đã vay 300.000.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu buộc ông Trương Văn P có nghĩa vụ liên đới trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà C1 và ông P thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre nên bà C1 và ông P là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau, cùng làm ăn kinh tế chung tại địa phương. Do đó nợ chung này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc ông P có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2

Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Do đó, tổng số tiền mà bà Trần Thị C1 và ông Trương Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị H và ông Đặng Văn C số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

[9] Xét lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

Căn cứ **khoản 2 Điều 26** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H, ông Đặng Văn C được chấp nhận toàn bộ, nên bà Trần Thị C1 và ông Trương Văn P phải liên đới chịu án phí của số tiền 300.000.000 đồng, số tiền án phí được tính là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tuy nhiên, bà C1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, nên bà C1 được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí bà C1 phải chịu là 7.500.000 đồng. Bị đơn ông Trương Văn P là người cao tuổi nhưng vắng mặt và không gửi đơn xin miễn nộp án phí nên ông P phải chịu toàn bộ số tiền án phí là 7.500.000 đồng theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H và ông Đặng Văn C với bà Trần Thị C1 và ông Trương Văn P. Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**2.** Buộc bà Trần Thị C1 và ông Trương Văn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị H và ông Đặng Văn C tổng số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Thời gian trả cụ thể: Ngày 13/12/2024 trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), ngày 13/4/2025 trả số tiền 100.000.000 đồng (Một

trăm triệu đồng) và ngày 13/8/2025 trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Trường hợp bà Trần Thị C1, ông Trương Văn P không thanh toán tiền đúng theo thời gian đã thỏa thuận nêu trên thì bà Phạm Thị H, ông Đặng Văn C được quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền bà C1, ông P có nghĩa vụ thanh toán, kể cả các khoản tiền chưa tới hạn thanh toán theo thỏa thuận.

**3.** Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Phạm Thị H, ông Đặng Văn C không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

**4.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị H, ông Đặng Văn C yêu cầu bà Trần Thị C1, ông Trương Văn P có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Trong đó, nợ gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và nợ lãi là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

**5.** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**6.** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trần Thị C1 được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí mà bà phải chịu.

Ông Trương Văn P phải chịu số tiền án phí là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị H và ông Đặng Văn C được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000205 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, ự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 03 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị H, ông Đặng Văn C, bà Trần Thị C1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trương Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hồ Thị Yến Nhi**